

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP ĐỒNG TÂM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP ĐỒNG TÂM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DONG TAM INDUSTRIAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DONG TAM INDUSTRIAL INVESTMENT.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110679225

3. Ngày thành lập: 09/04/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 52, ngõ 116, phố Miếu Đàm, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0867.36.7979

Fax:

Email: dongtam.vanphong@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa (không bao gồm đấu giá hàng hóa)	4610
3.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
4.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn chè; - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; - Bán buôn trứng và sản phẩm từ trứng; - Bán buôn dầu, mỡ động thực vật; - Bán buôn hạt tiêu, gia vị khác;	4632
5.	Bán buôn đồ uống	4633
6.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)	4649(Chính)
8.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
9.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ Bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
11.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

12.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh bao gồm thu mua, sắp xếp, phân loại, làm sạch những hàng hóa đã qua sử dụng để lấy ra những phụ tùng có thể sử dụng lại (ví dụ: tháo dỡ ô tô, máy tính, ti vi cũ...), đóng gói, lưu kho và phân phối nhưng không thực hiện hoạt động nào làm biến đổi hàng hóa. Những hàng hóa được mua bán là những loại còn có giá trị.	4669
13.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: - Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm	0119
14.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
15.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức, xúc tiến và quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, có hoặc không có quản lý và cung cấp nhân viên đảm nhận những vấn đề tổ chức	8230
16.	Dịch vụ đóng gói	8292
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; - Hoạt động hỗ trợ khác cho kinh doanh chưa được phân vào đâu (như khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo)	8299
18.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
19.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khóa, ghế tựa, dù che.v.v...; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên;	9329

20.	Lập trình máy vi tính Chi tiết: Hoạt động viết, sửa, thử nghiệm và trợ giúp các phần mềm theo yêu cầu sử dụng riêng biệt của từng khách hàng; Lập trình các phần mềm nhúng	6201
21.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
22.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
23.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
24.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
25.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
26.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
27.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
28.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
29.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
30.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
31.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Môi giới chuyển giao công nghệ; Tư vấn chuyển giao công nghệ; Đánh giá công nghệ; Xúc tiến chuyển giao công nghệ	7490
32.	Cho thuê xe có động cơ	7710
33.	Bán buôn tổng hợp	4690
34.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
35.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
36.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
37.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
38.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
39.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	1079
40.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
41.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
42.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
43.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
44.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623

45.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
46.	In ấn (trừ loại Nhà nước cấm)	1811
47.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
48.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất hoá dược và dược liệu	2100
49.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
50.	Đúc sắt, thép	2431
51.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
52.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
53.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
54.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
55.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
56.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
57.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
58.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
59.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
60.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
61.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
62.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
63.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
64.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
65.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
66.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
67.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
68.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
69.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
70.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
71.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
72.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
73.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
74.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
75.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
76.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
77.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
78.	Sản xuất máy luyện kim	2823

79.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
80.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
81.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
82.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4931
83.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
84.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
85.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
86.	Bốc xếp hàng hóa	5224
87.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
88.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa.	5229
89.	Chuyển phát	5320
90.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
91.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
92.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5621
93.	Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5629
94.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630
95.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
96.	Đại lý du lịch	7911
97.	Điều hành tua du lịch	7912

98.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: - Cung cấp các dịch vụ đặt chỗ liên quan đến hoạt động du lịch: vận tải, khách sạn, nhà hàng, cho thuê xe, giải trí và thể thao; - Cung cấp dịch vụ chia sẻ thời gian nghỉ dưỡng; - Hoạt động bán vé cho các sự kiện sân khấu, thể thao và các sự kiện vui chơi, giải trí khác; - Cung cấp dịch vụ hỗ trợ khách du lịch: cung cấp thông tin du lịch cho khách, hoạt động hướng dẫn du lịch; - Hoạt động xúc tiến du lịch.	7990
99.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
100.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
101.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
102.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
103.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
104.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
105.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
106.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
107.	Xây dựng nhà để ở	4101
108.	Xây dựng nhà không để ở	4102
109.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
110.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
111.	Xây dựng công trình điện	4221
112.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
113.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
114.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
115.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
116.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
117.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
118.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
119.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế)	4772

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.000.000

Thời gian đăng từ ngày 10/04/2024 đến ngày 10/05/2024

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN TRUNG DŨNG	Số 19 phố Cửa Nam, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	20,000	0010770205 96	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	20,000		
2	NGUYỄN HOÀNG DƯƠNG	Nhà B3, Tập thể tính Đội, Tổ 12, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	20,000	0010770307 28	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	20,000		

3	NGUYỄN TRUNG CÔNG	Phòng 502D3, Tập thể Bộ Nông nghiệp, Phường Phường Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	20,000	0010770210 30	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	20,000		
4	BÁ ANH QUÂN	Số 52, ngõ 116, phố Miếu Đàm, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	40,000	0010770039 92	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	40,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN TRUNG CÔNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 25/09/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001077021030

Ngày cấp: 22/09/2022

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Phòng 502D3, Tập thể Bộ Nông nghiệp, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Phòng 502D3, Tập thể Bộ Nông nghiệp, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội